

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 11 - 3 - 2021  
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con  
khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Phước Sang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trịnh Văn Bé

2. Bà Phan Thị Nga

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Lộc – Kiểm sát viên

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 875/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn Vũ L, sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp KB2, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang (có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Bùi Thị N, sinh năm 1996

Địa chỉ: Ấp KB2, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn anh Trần Văn Vũ L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị Bùi Thị N chung sống như vợ chồng từ tháng 4/2014, có tổ chức đám cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sinh sống tại nhà cha mẹ anh ở Ấp KB2, xã KA, huyện

CM, tỉnh An Giang, đến tháng 6/2014 thì chị Bùi Thị N mang thai, đến khoảng tháng 7/2014 thì chị N bỏ đi. Lý do chị N bỏ đi vì vợ chồng cự cãi nên mẹ của chị N mới rước chị N về nhà của mẹ chị N nên vợ chồng không có sống chung từ tháng 7/2014 cho đến tháng 02/2020. Đến khoảng tháng 02/2020, anh mới gặp lại chị N và sống chung lại với chị N nên anh và chị N mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 18/3/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Lý do năm 2014 anh và chị N không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vì sau khi đám cưới được vài tháng thì vợ chồng xảy ra cự cãi và chị N bỏ đi nên không đăng ký kết hôn được. Đến tháng 8/2020, chị N tiếp tục bỏ đi do chị N thường hay hờn ầu với cha mẹ nên hay cự cãi với anh, cha mẹ anh và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Bùi Thị N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Quốc Q, sinh ngày 19/7/2015, hiện đang sống chung với chị Bùi Thị N. Sau khi ly hôn, anh Trần Văn Vũ L đồng ý để chị Bùi Thị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh L đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Tờ tự khai ngày 20/01/2021, bị đơn Bùi Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý ly hôn với anh Trần Văn Vũ L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Quốc Q, sinh ngày 19/7/2015, hiện đang sống chung với chị Bùi Thị N. Sau khi ly hôn, chị Bùi Thị N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Anh Trần Văn Vũ L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Lý do giấy khai sinh của con không có tên cha là vì lúc chị N mang thai được 01 tháng thì bỏ nhà đi, đến đầu năm 2020 thì vợ chồng mới gặp và chung sống lại nên mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Rút lại ý kiến tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng.

Chị Bùi Thị N vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Anh Trần Văn Vũ L khởi kiện xin ly hôn chị Bùi Thị N có nơi cư trú tại Ấp KB2, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Chị Bùi Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Bùi Thị N.

### **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn Vũ L và chị Bùi Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang ngày 18/3/2020 theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ lời trình bày của anh Trần Văn Vũ L, anh và chị N chung sống với nhau như vợ chồng và có tổ chức đám cưới theo phong tục vào năm 2014, đến khoảng tháng 7/2014, chị N bỏ đi do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đến đầu năm 2020 thì anh L gặp lại chị N nên vợ chồng chung sống lại và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đến tháng 8/2020 thì vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, gia đình 02 bên và bản thân anh chị không có hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh L yêu cầu được ly hôn với chị N. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị N đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đồng thời, căn cứ lời trình bày của chị Bùi Thị N tại Tờ tự khai ngày 20/01/2021, chị Bùi Thị N cũng đồng ý ly hôn đối với anh Trần Văn Vũ L, thể hiện chị N cũng không muốn níu kéo tình cảm vợ chồng giữa anh chị. Do đó, có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc anh L yêu cầu ly hôn chị N phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với con chung: Anh Trần Văn Vũ L xác định vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Quốc Q, sinh ngày 19/7/2015, hiện đang sống chung với chị Bùi Thị N. Sau khi ly hôn, anh Trần Văn Vũ L đồng ý để chị Bùi Thị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, cháu Bùi Quốc Q được sinh ra trước thời điểm anh L và chị N đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, anh L từ chối việc giám định ADN của cháu Q và không cung cấp được chứng cứ chứng minh cháu Q là con chung của vợ chồng. Tuy nhiên, căn cứ lời trình bày của chị Bùi Thị N tại Tờ tự khai ngày 20/01/2021 đã xác định cháu Bùi

Quốc Q là con chung của chị N và anh L, đây là “Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh” quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Có đủ căn cứ xác định cháu Bùi Quốc Q là con chung của anh L và chị N. Mặt khác, việc giao con chung cho người chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Cháu Bùi Quốc Q từ trước đến nay đều sống với chị N nên tình cảm của cháu đã gắn liền với người nuôi dưỡng và chị N cũng có yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên việc anh L đồng ý để chị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N là người trực tiếp nuôi con chung nên anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tại Tờ khai ngày 20/01/2021, chị N có yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng nhưng không thực hiện thủ tục đối với yêu cầu phản tố theo quy định của pháp luật và cung cấp tài liệu, chứng cứ kèm theo. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập theo quy định của pháp luật nhưng chị N đều vắng mặt không có lý do chính đáng, xem như đã tự từ bỏ quyền của mình. Tại phiên tòa, anh L cũng rút lại ý kiến tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, anh Trần Văn Vũ L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Vũ L.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn Vũ L được ly hôn chị Bùi Thị N.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 45 do Ủy ban nhân dân xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 18/3/2020 không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung:

Chị Bùi Thị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Bùi Quốc Q, sinh ngày 19/7/2015, hiện đang sống chung với chị Bùi Thị N.

Anh Trần Văn Vũ L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Bùi Thị N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trần Văn Vũ L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ghi nhận anh Trần Văn Vũ L xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh Trần Văn Vũ L và chị Bùi Thị N vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn Vũ L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0013824 ngày 04/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đương sự;
- UBND xã Kiến An;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Phước Sang**

